

GÁNH NẶNG TỪ VỰNG TRONG GIÁO TRÌNH TIẾNG ANH CƠ BẢN DÀNH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ CỦA ĐẠI HỌC HUẾ

LÊ THỊ THANH CHI¹, TRẦN PHẠM MINH ĐỨC²
TRẦN THỊ LỆ NINH¹, NGUYỄN LÊ NGÂN CHINH¹
¹Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
²Học viện Hàng không Việt Nam
Email: lethanhchi67@gmail.com

Tóm tắt: Bài báo đánh giá khái quát bộ giáo trình tiếng Anh cơ bản đang sử dụng cho đối tượng sinh viên không chuyên ngữ của Đại học Huế, “English Elements” [1] của nhà xuất bản Hueber, ở góc độ dạy và học từ vựng tiếng Anh cơ bản. Dựa vào các lý thuyết dạy-học từ vựng của các nhà ngôn ngữ học danh tiếng (Nation, Newton, Mascalister, Hattie và Yates), nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu và phân tích những gánh nặng từ vựng mà sinh viên không chuyên ngữ gặp phải khi sử dụng bộ giáo trình này. Với phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nhóm tác giả đã tập trung tìm hiểu danh mục từ vựng trong 4 cuốn của bộ giáo trình English Elements, đối chiếu với danh mục từ xuất hiện với tần suất sử dụng cao trong British National Corpus [11]. Kết quả đánh giá và phân tích cho thấy việc dạy và học từ vựng tiếng Anh cơ bản theo bộ giáo trình này thật sự khó khăn vì phần lớn các từ mới trong các bài đọc và bài nghe xuất hiện ở tần suất sử dụng thấp (low-frequency words) và nhóm từ được tái sử dụng còn hạn chế. Những bất cập về mặt từ vựng trong bộ giáo trình này cần được chỉnh sửa hoặc thay đổi học liệu để giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra như mong muốn.

Từ khóa: Giáo trình Tiếng Anh cơ bản, English Elements, gánh nặng từ vựng

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chúng ta không thể phủ nhận rằng từ vựng giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với một ngôn ngữ. Nếu quá trình học tiếng Anh được xem như xây nhà thì việc học từ vựng chính là xây nền móng cho căn nhà đó. Có nhiều cách để học từ vựng khác nhau, nhưng để xây dựng chiến lược học từ vựng hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu học tiếng Anh cơ bản thì cần có sự kết hợp nhiều yếu tố, trong đó bao gồm cả việc biên soạn hay lựa chọn giáo trình học vừa sức, phù hợp với kiến thức (background) của người học, cách đánh giá và phương pháp học từ vựng hiệu quả.

Ở Việt Nam nói chung và Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Huế nói riêng, việc dạy và học tiếng Anh vẫn còn phụ thuộc nhiều vào giáo trình (course book). Giáo trình được xem như là một trong những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến việc đạt được mục tiêu của khóa học. Từ vựng sẽ là một gánh nặng đối với người học nếu việc chọn giáo trình cũng như phương pháp học từ vựng được sử dụng không phù hợp.

Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi muốn đề cập đến gánh nặng từ vựng mà sinh viên khối không chuyên ngữ của các trường thành viên trong Đại học Huế đang phải đương đầu khi sử dụng bộ giáo trình “*English Elements*” [1] được phát hành bởi nhà xuất bản Đại học Huế, trường Đại học Ngoại ngữ Huế và Max Hueber Verlag GmbH, đây là bộ giáo trình hiện đang được sử dụng để giảng dạy tiếng Anh cơ bản bậc 1/6 (A1), bậc 2/6 (A2) và bậc 3/6 (B1) cho sinh viên không chuyên ngữ của Đại học Huế. Những sinh viên này sẽ phải trải qua 3 cấp độ học và thi lấy chứng chỉ bậc 3/6 (B1) để được xét tốt nghiệp theo Quyết định 1400/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ [14] và Quyết định 1206/QĐ-ĐHH của Giám đốc Đại học Huế. Để có được chứng chỉ đầu ra như mong muốn, sinh viên cần phải trau dồi các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ theo mục tiêu đạt được của từng cấp độ, trong đó kiến thức về từ vựng là điều kiện tiên quyết. Mặt khác, qua 3 năm sử dụng, bộ giáo trình này đã bộc lộ nhiều bất cập về nội dung và hình thức; gánh nặng từ vựng là một trong những vấn đề mà cả người dạy lẫn người học bộ giáo trình này đã trải nghiệm và cần được phản hồi qua các khảo sát, đánh giá để thay đổi và lựa chọn tài liệu dạy và học phù hợp hơn, đảm bảo chuẩn đầu ra như mong muốn.

Nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào việc tìm hiểu vai trò của từ vựng trong việc dạy và học tiếng Anh, đánh giá và so sánh đối chiếu tần suất sử dụng của các mục từ trong bộ giáo trình này với tần suất thống kê của British English Corpus [11] để tìm ra những hạn chế về từ vựng sử dụng trong giáo trình, nhằm thay đổi chỉnh sửa học liệu phù hợp để hỗ trợ sinh viên không chuyên ngữ của Đại học Huế học tốt tiếng Anh cơ bản, đạt được chuẩn đầu ra bậc 3/6 khi xét tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Kết hợp cơ sở lý luận trong phân tổng quan tài liệu, và đối chiếu với mục tiêu nghiên cứu ban đầu là khảo sát gánh nặng từ vựng trong bộ giáo trình “*English Elements*” [1] dành cho đối tượng người học là sinh viên không chuyên ngữ của Đại học Huế, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá lượng từ vựng trong bộ giáo trình này với 2 tiêu chí chính là tần suất xuất hiện của từ (word frequency) và tần suất tái sử dụng từ (word recycling).

Với phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với kỹ thuật phân tích đặc tả nội dung (content descriptive techniques), nhóm nghiên cứu đã phân tích danh mục từ vựng trong 4 cuốn giáo trình “*English Elements*”, so sánh với 3 danh mục 1.000 từ phổ biến nhất của British National [11], chọn ngẫu nhiên 10 từ được tái sử dụng nhiều nhất để kiểm nghiệm; sau đó các dữ liệu thu thập được phân loại, phân tích, bàn luận và diễn giải.

Danh mục từ vựng cuối mỗi cuốn sách được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái và chia làm 3 cột: từ/cụm từ trong mỗi bài học, ví dụ minh họa, dịch nghĩa tiếng Đức (vì đây là bộ sách của 1 nhà xuất bản Đức, dành cho người Đức học tiếng Anh!). Danh từ riêng và các từ chức năng ngữ pháp không được đưa vào bảng danh mục từ này.

3. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Theo Wilkins (1972:111-112) [16], “*không có ngữ pháp thì có thể diễn đạt được rất ít nhưng không có từ vựng thì không thể diễn đạt được điều gì*”. Để người học đạt được sự

lưu loát trong cách diễn đạt tiếng Anh, họ cần phải được trang bị vốn từ vựng cần thiết và phát triển các chiến lược học từ vựng cá nhân. Bản thân người học cũng nhận ra tầm quan trọng của từ vựng khi tham gia vào quá trình học ngoại ngữ. Vậy từ vựng được định nghĩa như thế nào, bao gồm những gì và vai trò của những phần này đối với việc dạy và học tiếng Anh như thế nào là vấn đề luôn được người dạy và người học ngoại ngữ quan tâm.

3.1. Các khía cạnh của việc học từ vựng (Aspects of knowing a word)

Từ vựng được các nhà ngôn ngữ học định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Từ vựng là các từ của một ngôn ngữ, bao gồm các từ đơn, cụm từ hay gốc từ của nhiều từ, mang những nét nghĩa cụ thể, riêng biệt (Ur Penny, 1996) [15]. Từ vựng là sự gắn kết giữa âm thanh và ngữ nghĩa để chúng ta giao tiếp với người khác. Hơn nữa các từ còn được sắp xếp để tạo thành câu, hội thoại giao tiếp hay diễn ngôn dưới nhiều hình thức khác nhau.

Khái niệm “từ” được các nhà ngôn ngữ và từ vựng học định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, nhưng tựu trung lại vẫn là ba vấn đề cơ bản: *hình thái* từ (form), *nghĩa* của từ (meaning) và *cách dùng* từ (use).

Theo Nation (2001) [10], *hình thái* từ có liên quan đến cách phát âm từ đó (spoken form), cách ghi từ (written form), và loại từ hay các yếu tố khác tạo nên từ đó (gốc từ, tiền tố, hậu tố). Nation (2001) [10] cũng khẳng định rằng *nghĩa* của từ bao hàm cả cách kết hợp giữa hình thái từ và ngữ nghĩa, hay nói cách khác khi đọc một từ chúng ta thường liên tưởng đến sự vật hiện tượng mà từ đó biểu niệm hoặc ngược lại. *Cách dùng* từ, theo Nation (2001:27) [10], có liên quan đến chức năng ngữ pháp, cách kết hợp từ, tần suất, cấp độ sử dụng của từ đó.

Bảng 1. Các khía cạnh của việc học từ vựng (Nation, 2001:27)

Hình thái của từ (Word form)	Cách phát âm từ (Spoken form)
	Cách ghi từ (Written form)
	Loại từ (Word parts)/ gốc từ, tiền tố, hậu tố
Nghĩa của từ (Word meaning)	Hình thái và ngữ nghĩa (Form and meaning)
	Khái niệm và vật đề chỉ (Concepts and referents)
	Các từ liên quan (Associations)
Cách sử dụng (Word use)	Chức năng ngữ pháp (Grammatical functions)
	Kết hợp từ (Collocations)
	Phạm vi và tần suất xuất hiện của từ vựng (Register and frequency)

Nation (2001) [10] cho rằng từ vựng không phải là một đơn vị riêng lẻ, nó nằm trong mối tương quan với các phân tầng cấp độ khác nhau của hệ thống ngôn ngữ. Các nghiên cứu về từ vựng của Nation (2001) [10] cũng đã chỉ ra rằng, người học luôn sử dụng từ vựng để thực hiện các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills), ví dụ: nghe, đọc, và kỹ năng thực hành (productive skills), ví dụ: nói, viết; cho nên quá trình học từ vựng phải bao gồm cả kiến thức tiếp nhận (receptive knowledge) lẫn kiến thức thực hành (productive knowledge). Nhận thức được 3 khía cạnh cơ bản quan trọng của từ vựng sẽ giúp người

học triển khai tốt các chiến lược học từ vựng nhằm tăng cường kiến thức từ vựng cần thiết để lĩnh hội và thực hành giao tiếp hiệu quả hơn.

3.2. Số lượng từ vựng (vocabulary size)

Theo Nation (2001:9) [10], người biên soạn giáo trình cần biết được lượng từ vựng của người bản xứ và số lượng từ vựng người học ngoại ngữ cần có để sử dụng ngôn ngữ đó. Tiếng Anh bao gồm 54.000 mục từ (word family); một người bản xứ có học thức có khoảng chừng 20.000 mục từ trong số đó. Nation và Waring (1997:8) [9] cũng khẳng định rằng người học có thể giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh với số lượng từ ít hơn người bản xứ nhiều nếu số từ này là những từ có tần suất sử dụng cao trong các văn bản nói hoặc viết. Hầu hết những từ này là những từ có nội dung giao tiếp (content words), đủ để hiểu và thực hành giao tiếp.

3.3. Khả năng hiểu văn bản (text coverage)

Một vấn đề nghiên cứu quan trọng nữa có liên quan đến số lượng từ vựng là mức độ hiểu một văn bản có số từ theo yêu cầu. Laufer (2010:17) [6] định nghĩa khả năng hiểu văn bản là tỉ lệ số từ được sử dụng trong văn bản đó bởi người đọc. Do đó nếu người đọc đạt mức độ đọc hiểu là 95 % có nghĩa là họ hiểu được 95% số lượng từ sử dụng trong văn bản đó. Trong lĩnh vực này đã có nhiều nghiên cứu xác định khả năng đọc hiểu mà người học cần có để có thể hiểu văn bản với số lượng từ phù hợp. Nation và Waring (1997:10) [9] đã xem xét mối quan hệ giữa khả năng hiểu văn bản và đọc hiểu đối với người nước ngoài học tiếng Anh, bảng 2 cho thấy số lượng từ 2000 đến 3000 từ với tần suất sử dụng cao là cơ sở tốt cho việc sử dụng ngôn ngữ.

Bảng 2. Số lượng từ và khả năng hiểu văn bản đối với thanh thiếu niên (teenager)

Số lượng từ	Tỉ lệ (%) hiểu văn bản	Số từ chưa biết
2000 từ	90	1 trong 10 từ
2000 từ + danh từ riêng	93,7	1 trong 16 từ
2600 từ	96	1 trong 25 từ
5000 từ	98	1 trong 67 từ

3.4. Từ có tần suất sử dụng cao (high frequency words)

Carter (1998:159) [2] cho rằng tần suất sử dụng cao là cách đo lường tối ưu để xác định sự hữu dụng của từ. Theo tác giả này, từ có tần suất sử dụng cao là những từ thường xuất hiện trong cách dùng phổ biến của ngôn ngữ đó. Laufer (2010) [7] cho rằng có 3000 từ phổ biến nhất để có thể hiểu được 95% nội dung văn bản. Nation and Waring (1997: 9) [9] khẳng định rằng chỉ cần biết một số từ có tần suất sử dụng cao thì người học sẽ vẫn có thể hiểu được một tỉ lệ nhất định trong các văn bản đọc hiểu. Nation (2001:34) [10] cho rằng những từ có tần suất sử dụng thấp sẽ gây khó khăn cho người học trong quá trình đọc hiểu. Như vậy, việc học từ vựng nên tập trung vào những từ có tần suất sử dụng cao và những từ này nên được học trước tiên để tiết kiệm thời gian và mang lại hiệu quả nhanh nhất cho người học ngoại ngữ.

3.5. Danh mục từ vựng (word lists)

Danh mục các từ (word list) có tần suất sử dụng cao được đưa vào để xác định cơ sở khoa học cho việc biên soạn giáo trình. Danh mục từ cũng cung cấp cơ sở xác đáng để đảm bảo người học có được sự phản hồi tốt nhất cho nỗ lực học từ vựng của họ (Nation and Waring, 1997:17) [9]. Đó là những từ xuất hiện với tần suất sử dụng cao được chọn ra từ một văn bản nào đó (nói hoặc viết), tùy theo số lần xuất hiện.

3.6. Gánh nặng của việc học từ vựng (Learning burden)

Gánh nặng của việc học từ vựng (Learning burden) được định nghĩa bởi Paul Nation (2001) [10] là sự nỗ lực, cố gắng của tự thân người học để biết một từ vựng bất kỳ. Những từ vựng khác nhau sẽ yêu cầu người học phải nỗ lực nhiều hơn hay ít hơn để nắm bắt và tiếp thu chúng.

Đối với một số từ có hình thái và ngữ nghĩa mà người học đã biết trước (do từ vựng cần học có nhiều điểm tương đồng với từ trong tiếng mẹ đẻ (first language), gánh nặng từ vựng sẽ giảm đi đáng kể. Trường hợp những từ được vay mượn trong ngôn ngữ thứ nhất là ví dụ điển hình cho việc giảm nhẹ gánh nặng từ vựng giúp quá trình học từ của người học trở nên dễ dàng hơn. Nếu như ngôn ngữ thứ nhất của người học có nhiều nét tương đồng với ngôn ngữ thứ hai (second language), người học sẽ không phải bỏ ra quá nhiều công sức trong việc học từ vựng (Nation, 2006:449) [12]

Trái lại, nếu như ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai hoàn toàn khác biệt nhau, thì gánh nặng từ vựng lên người học sẽ rất lớn. Người bản xứ đã biết nói, nghe và hiểu hàng ngàn từ trong ngôn ngữ của họ trước khi học viết và đọc các từ đó. Khác với người bản xứ, người học ngoại ngữ, khi học một từ của một ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ của họ, cần nắm rõ hình thái, ngữ nghĩa và cách dùng của từ cùng một lúc, vậy nên người học sẽ phải chịu một gánh nặng từ vựng đáng kể. (Nation, 2006) [12]

Hattie & Yates (2014) [4] đã chỉ ra rằng trí nhớ ngắn hạn (short-term memory) của con người có thể ghi nhớ được 4-8 từ trong một lần học và để ghi nhớ một từ họ phải gặp từ đó ít nhất từ 6-7 lần. Vậy nên, người dạy cần giới hạn số lượng từ cung cấp cho người học, và quan trọng hơn là lựa chọn những từ vựng có tần suất xuất hiện cao (high-frequency words), liên quan đến phạm vi kiến thức mà người học yêu cầu để thiết kế hoạt động giảng dạy và ôn tập thường xuyên mang lại lợi ích tương ứng với công sức người học đã bỏ ra.

3.7. Giáo trình tiếng Anh

Giáo trình được xem như là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu của khóa học. Theo Garinger (2001) [3], một giáo trình có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau: (a) nguồn học liệu chính, (b) ngữ liệu tăng cường, (c) điểm hứng khởi cho nhiều hoạt động trong lớp học (d) chương trình học. Việc lựa chọn giáo trình học phù hợp sẽ hỗ trợ giáo viên rất nhiều trong việc quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học. Sử dụng giáo trình tốt sẽ tiết kiệm được thời gian lên lớp, dẫn nhập vào bài học, hướng dẫn thảo luận, dễ dàng cho bài tập về nhà hơn, làm cho việc dạy học dễ

dàng hơn, có tổ chức hơn, thuận tiện hơn; hoạt động học cũng sẽ dễ dàng hơn, nhanh và hiệu quả hơn; và hơn thế nữa nó đảm bảo sự an toàn cho khóa học và mang lại sự tự tin cho cả thầy lẫn trò (Hutchinson and Torres, 1994) [5].

4. THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CƠ BẢN CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ ĐẠI HỌC HUẾ

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế trực tiếp đảm trách hoạt động tổ chức và giảng dạy cho gần 23.000 sinh viên không chuyên ngữ thuộc 08 trường thành viên và các khoa trực thuộc Đại học Huế. Sinh viên tham gia học tại trường Ngoại ngữ là sinh viên năm thứ nhất và thứ hai đang theo học các chuyên ngành khác nhau tại các trường thành viên của Đại học Huế. Tiếng Anh là ngôn ngữ được chọn phổ biến nhất so với các ngoại ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Hàn, tiếng Trung và tiếng Nhật, với số sinh viên lên đến 19.900 chiếm 87% tổng số sinh viên không chuyên ngữ của Đại Học Huế [6].

4.1. Thực trạng dạy và học tiếng Anh cơ bản

Theo quyết định 1400/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [14], sinh viên nhập học từ năm 2013 và tốt nghiệp từ năm 2017 trở về sau cần có chứng chỉ ngoại ngữ cấp độ 3/6 (tương đương trình độ B1 của Khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ) để đủ điều kiện được nhận bằng tốt nghiệp. Với mục đích giúp sinh viên đạt được yêu cầu này, khoa Tiếng Anh chuyên ngành dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường đã tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo, thay đổi giáo trình giảng dạy, ứng dụng một số phần mềm hỗ trợ. Tuy nhiên kết quả kỳ thi khảo sát năng lực tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc gia đầu tiên cho 235 sinh viên không chuyên ngữ của Đại học Huế vào tháng 07 năm 2015 cho thấy chỉ 116 trong số 235 (49.4%) sinh viên tham gia khảo sát đạt cấp độ 3/6 (B1) và 119 (51.6%) đạt cấp độ 2/6 (A2) [10].

Theo nghiên cứu gần đây của Phạm Thị Hồng Nhung tại Đại học Ngoại ngữ Huế [13], quá trình cải tiến chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy, nguồn học liệu, phương pháp kiểm tra và đánh giá để giúp đối tượng sinh viên không chuyên ngữ đạt cấp độ 3/6 vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nghiên cứu của Phạm Thị Hồng Nhung [13] cũng cho thấy có sự bất cập về chương trình giảng dạy (thời lượng phân bố tiết dạy còn hạn chế), về giáo trình (nội dung chưa bám sát với cấu trúc của đề thi), về năng lực ngôn ngữ (sự chênh lệch về năng lực ngôn ngữ giữa sinh viên các trường/ khoa trực thuộc) và thiếu các yếu tố giúp duy trì năng lực ngôn ngữ (thời gian hoàn tất việc học 7 tín chỉ, trong 105 tiết lên lớp không đảm bảo sinh viên có thể duy trì cấp độ này sau khi tốt nghiệp (ít nhất 2 năm rưỡi sau khi sinh viên hoàn tất 7 tín chỉ). Trong tất cả các bất cập nêu trên, yếu tố giáo trình có tác động không nhỏ đến kết quả đầu ra của sinh viên khối không chuyên ngữ của Đại học Huế.

4.2. Thực trạng sử dụng bộ giáo trình tiếng Anh cơ bản “English Elements”

Bộ giáo trình “*English Elements*” gồm 04 cuốn (book 1, 2, 3 và 4) được sử dụng để giảng dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên ở 03 cấp độ A1, A2 và B1. Cụ thể, sinh viên theo học tiếng Anh A1 sẽ sử dụng cuốn *English Elements* 1, sinh viên theo học tiếng Anh A2 sẽ sử dụng cuốn *English Elements* 2 và hai cuốn *English Elements* 3 & 4 dành

cho sinh viên học tiếng Anh cấp độ B1. Mỗi đơn vị bài học cơ bản bao gồm 4 phần: (a) từ vựng (vocabulary and functional language), (b) ngữ pháp (grammar), (c) kỹ năng (skills), (d) tự học (homestudy).

Nội dung chính của các học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản và được phát triển, nâng cao từ học phần TACB bậc 1/6 (A1) đến TACB bậc 3/6 (B1) đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ GDĐT. Với bộ giáo trình *English Elements* này, sinh viên sẽ được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ qua các dạng bài tập; phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, cách đặt câu hỏi và trả lời, cách sử dụng dạng chủ động, bị động; các hình thức so sánh tính từ...

Bảng 3. *Phân bố chương trình dạy và học TACB dành cho SVKC Đại học Huế*

Bậc/Cấp độ	Giáo trình học	Số tín chỉ	Số đơn vị bài học
1/6 (A1)	English Elements Book 1	2 (30 tiết)	12 bài cuốn 1 (Unit 1-Unit 12)
2/6 (A2)	English Elements Book 2	2 (30 tiết)	12 bài cuốn 2 (Unit 1-Unit 12)
3/6 (B1)	English Elements Book 3	3 (45 tiết)	12 bài cuốn 3 (Unit 1-Unit 12) và 8 bài cuốn 4 (Unit 1- Unit 8)

Ngoài số tiết lý thuyết trên lớp (bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên) là 30 tiết đối với mỗi học phần A1 và A2; và 45 tiết đối với học phần B1, sinh viên có 90 tiết tự học đối với cấp độ A1/A2 và 135 tiết đối với cấp độ B1 (bao gồm cả hình thức trực tuyến và phi trực tuyến). Tuy nhiên theo các điều tra khảo sát [6] thì rất ít sinh viên thực sự tự học, chỉ 15% sinh viên có soạn trước phần từ vựng trước khi đến lớp và 35,6% có làm các bài tập ở phần home study trong sách. Tần suất sử dụng các hình thức tự học theo bộ giáo trình này chưa được thường xuyên, còn mang tính chất đối phó và tùy thuộc vào sự quản lý, kiểm tra của giảng viên môn học.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở lý luận của phần tổng quan tài liệu, sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với phân phân tích đặc tả nội dung với các dữ liệu được lấy từ 4 cuốn sách dành cho người học của bộ giáo trình tiếng Anh *English Elements* [1] và 3 danh mục từ cơ bản đầu tiên của British National Corpus [11]; đối chiếu với thực trạng dạy và học tiếng Anh cơ bản tại trường Đại học Ngoại ngữ Huế, nhóm nghiên cứu đã bước đầu có được kết quả nghiên cứu như sau:

5.1. Tần suất xuất hiện từ (word frequency)

Các danh mục từ (word list) trong bộ giáo trình *English Elements* [1] được so sánh đối chiếu với 3 danh mục 1.000 từ phổ biến nhất của British National Corpus [11]. Những từ được tìm thấy trong danh mục từ thứ nhất này của BNC được gọi là danh mục A (list A), tương tự như vậy với danh mục B (list B) với 1000 từ trong danh mục thứ 2 và danh mục C (list C) với 1.000 từ trong danh mục 3 của BNC. Những từ không được tìm thấy trong 3 danh mục 1.000 từ phổ biến của BNC được gọi là danh mục D (list D)

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng số lượng từ vựng được sử dụng trong mỗi bài học bình quân là 84 từ và tổng lượng từ sử dụng trong mỗi cuốn giáo trình bình quân là 1008 từ; so sánh danh mục từ của mỗi cuốn trong bộ giáo trình “*English Elements*” lần lượt với 3 danh mục từ phổ biến của BNC, kết quả cụ thể được tóm tắt như sau:

Bảng 4. So sánh tần suất sử dụng từ trong danh mục của BNC và giáo trình *English Elements*

Danh mục từ	Số lượng từ được sử dụng trong mỗi cuốn giáo trình	Tần suất xuất hiện từ trong mỗi cuốn giáo trình <i>English Elements</i> (%)	Tần suất xuất hiện từ trong danh mục từ phổ biến của BNC (%)
Danh mục A	227	23,0	15,2
Danh mục B	224	22,3	14,8
Danh mục C	164	14,8	9,8
Tổng cộng	615	60,1	13,3 (trong 3000 từ)
Ngoài 3 danh mục trên	393	39,9	—

Kết quả phân tích cho thấy 227 từ trong giáo trình *English Elements* được tìm thấy trong danh mục A, chiếm 23% tổng lượng từ vựng của cả cuốn giáo trình và 15,2% trong 1000 từ phổ biến đầu tiên của BNC; 224 từ chiếm 22,3% tổng lượng từ trong mỗi giáo trình và 14,8% trong danh mục 1000 từ thứ 2 của BNC; 164 từ chiếm 14,8% tổng số từ trong giáo trình và 9,8% trong 1000 danh mục từ phổ biến thứ 3 của BNC. Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng chỉ 615 trong tổng số 1008 từ sử dụng của mỗi cuốn giáo trình được tìm thấy trong danh mục 3000 từ phổ biến đầu tiên của BNC, chiếm tỉ lệ 60,1% tổng lượng từ trong giáo trình và 13,3% trong 3 danh mục từ phổ biến nhất của BNC. Có 393 từ chiếm 39,9% tổng số từ của mỗi cuốn giáo trình nằm ngoài danh mục từ phổ biến của BNC.

5.2. Tần suất tái sử dụng từ (Word recycling)

Nhóm nghiên cứu đã chọn ra 30 từ ngẫu nhiên và đếm số lần xuất hiện của mỗi từ trong các đơn vị bài học của mỗi cuốn giáo trình, sau đó phân loại theo nhóm tần suất tái sử dụng. Kết quả có được cụ thể như sau:

Bảng 5. Số lần các từ được tái sử dụng trong mỗi cuốn giáo trình *English Elements*

Số lần tái sử dụng (recycling)	Số lượng từ	Tỷ lệ (%)
1	9	30
2	8	26,7
3	5	16,7
4	4	13,2
5	2	6,7
trên 5 lần	2	6,7
Tổng cộng	30	

Bảng 5 cho thấy trong 30 từ chọn ngẫu nhiên trong một bài học, đa số các từ chỉ được sử dụng 1 hoặc 2 lần (9 từ chỉ xuất hiện 1 lần, chiếm tỷ lệ 30%, số từ xuất hiện 2 lần là 8 từ chiếm 26,7%), số lượng các từ được tái sử dụng từ 3 lần trở lên chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp.

6. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy 60,1% lượng từ vựng trong mỗi cuốn giáo trình “*English Elements*” nằm trong số 3000 từ phổ biến nhất trong 3 danh mục 1.000 từ của British National Corpus [11] và 39,9% nằm ngoài 3 danh mục này. Điều này khẳng định rằng chỉ hơn một nửa lượng từ vựng trong giáo trình “*English Elements*” là những từ có tần suất sử dụng cao (high-frequency), số lượng từ có tần suất sử dụng thấp (low-frequency) chiếm gần một nửa, đặc biệt là những từ thuộc nhóm văn hóa, xã hội Đức (vì đây là giáo trình tiếng Anh dành cho người Đức). Kết quả nghiên cứu cũng đã phản ánh độ khó về mặt từ vựng đối với người học vì bộ giáo trình có nhiều từ không phổ biến, tần suất tái sử dụng rất thấp.

Với mục tiêu và đặc điểm của chương trình đào tạo tiếng Anh cơ bản cho sinh viên không chuyên ngữ của Đại Học Huế ở giai đoạn hiện tại, đối chiếu với đặc điểm của đối tượng người học và thực trạng dạy và học tiếng Anh cơ bản tại trường Đại học Ngoại ngữ Huế, chúng ta có thể nhận thấy rằng bộ giáo trình này còn có những bất cập về mặt từ vựng, tạo nên gánh nặng cho sinh viên trong quá trình học tiếng Anh cơ bản. Những bất cập này cần được bổ sung, chỉnh sửa để giúp người học đạt được kết quả đầu ra như mong muốn.

Với nghiên cứu này, chúng tôi hy vọng sẽ góp phần giúp người sử dụng giáo trình nhận ra được những bất cập của bộ giáo trình này; để từ đó có những bổ sung, chỉnh sửa học liệu phù hợp hơn nhằm giảm nhẹ gánh nặng từ vựng và tăng hiệu quả dạy và học tiếng Anh cơ bản, để đạt được chuẩn đầu ra như mong muốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Callus, M. F. - Sykes J. (2013). *English Elements*, book 1-4 – Hueber Verlag.
- [2] Carter, R. (1998). *Applied linguistic Perspectives*, p.184 Rout ledge, London.
- [3] Garinger, D. (2001). Textbook evaluation. *TEFL Web Journal*. Retrieved from <http://www.teflwebj.org/v1n1/garinger.html> 16.
- [4] Hattie, J.A.C. & Yates, G. (2014). *Visible Learning and the Science of how we Learn*. Routledge, UK.
- [5] Hutchinson, T. and Torres, E. (1994). *The Textbook as Agent of Change in ELT Journal*, p.327 Oxford University Press.
- [6] Laufer, B. (2010). *Lexical Threshold Revisited: Lexical Text coverage Learners' Vocabulary Size and Reading Comprehension in Reading in a Foreign Language*, Volume 22, No. 1, pp. 15–30 - ISSN 1539-0578.
- [7] Lê, T.T.C. (2016), *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết, đánh giá công tác đào tạo ngoại ngữ không chuyên cấp chứng chỉ, Đại Học Huế, 1/2016*.
- [8] Nation, I.S.P. (1994). *New Ways in teaching vocabulary*. P. V Alexandria, V.

- [9] Nation, P. and Waring, R. (1997). *Vocabulary Size, Text coverage and Word Lists in Schimtt.*
- [10] Nation, P. (2001). "Using A small Corpora to In to Investigate learners' Need" in *Small Corpus studies ELT, Theory and Practice* .Ghadesy, M., ET, al .p 33 -34 John Benjamin publisher Amsterdam.
- [11] Nation, P. (2004). *A study of the Most Frequent Word Families in The British National Corpus'* in Luafer, Victoria University of Wellington.
- [12] Nation, I.S.P. (2006). *How Language Vocabulary is needed for Reading and Listening?* The Canadian Modern Language Review, pp. 59-82
- [13] Pham, T.H.N. (2015). *Applying the CEFR to Renew General English Curriculum: Successes, Remaining issues and Lesons from Vietnam.* In F.O'Dwyer (Ed.) Contextualizing the CEFR. Osaka: JALL Publications.
- [14] Thủ tướng Chính phủ (2008). Quyết định 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 phê duyệt *Đề Án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020"*, Hà Nội.
- [15] Ur, P. (1996). *A course in language teaching: practice and theory*, Cambridge University Press.
- [16] Wilkins, D.A. (1972). *Linguistics in Language Teaching.* Australia: Edward Arnold, pp. 111-112.

Title: LEARNING BURDEN OF LEXICAL ITEMS IN “ENGLISH ELEMENTS” – THE SET OF COURSE BOOKS USED IN TEACHING GENERAL ENGLISH FOR NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS OF HUE UNIVERSITY

Abstract: The article presents an overall evaluation of the vocabulary aspect of “English Elements” (Callus, Myriam Fischer, Jackie Sykes, 2013) [1], a set of course books published by Hueber, used in teaching General English for non-English major students of Hue University. From the theories of teaching and learning vocabulary suggested by leading linguists (Nation, Macalister, Hattie and Yates,...), within the descriptive method and the content analysis technique, the study attempts to examine the characteristic features of the lexical items included in the course books and investigate the vocabulary load on student learning,. After comparing the vocabulary list of the course books to the first 1000 high frequency word lists from British National Corpus [11], factors that may increase the lexical burden for students in the “English Elements” are analyzed. The key findings show that, the set of course books reflects a level of difficulty because most of reading and listening excerpts contains a large number of low frequency words. There is also a poor provision of new vocabulary items recycled. It seems necessary for teachers to adjust and have more supplementary material to lower the students’ learning burden to help them achieve the learning goals.

Keywords: Course book, English Elements, learning burden, lexical items